TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS - ST
Ngày: 18 - 9 - 2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Bà Võ Thị Bé Bảy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST - DS, ngày 02/4/2018 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST - DS, ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Giồng T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Lê Văn U, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà có cho ông Lê Văn U vay tiền 02 lần, cụ thể ngày 28/8/2017 cho vay 30.000.000 đồng, ngày 13/9/2017 cho vay 10.000.000 đồng, cả 02 lần vay thỏa thuận vài ngày sau ông U phải trả tiền cho bà, lãi suất cho vay là 5%/tháng, có làm giấy nợ viết tay. Sau khi vay tiền ông U có đóng lãi được 01 tháng của 02 lần vay là 2.000.000 đồng thì không đóng lãi nữa, bà đòi nhiều lần nhưng ông U không trả lại tiền vốn. Nay bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện, cụ thể bà chỉ yêu cầu ông U phải trả cho bà số tiền vốn của 02 lần vay là 4.000.000 đồng và tính lãi từ ngày bà khởi kiện (ngày 02/4/2018) đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng, không yêu cầu ông

U trả lãi từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018, số tiền là 2.400.000 đồng. Lúc vay tiền ông U chỉ đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin chứ hai bên không có thiết lập giao dịch bảo đảm. Lúc bà cho vay tiền thì ông U chưa có vợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn U trình bày: Ông thống nhất như toàn bộ lời trình bày của bà T về việc giao kết và thực hiện hợp đồng vay giữa ông với bà T. Nay ông thừa nhận còn nợ bà T số tiền vốn là 40.000.000 đồng và đồng ý trả tiền vốn cũng như tiền lãi theo như yêu cầu của bà T nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do quen biết nhau nên trong năm 2017 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn U có thiết lập hợp đồng vay tài sản 02 lần, tổng số tiền bà T cho ông U vay là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bên vay có sự vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông U phải hoàn trả tiền vốn và tiền lãi phát sinh. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết đối với vụ án này là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn Lê Văn U có nơi cư trú tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Hợp đồng dân sự về việc vay tài sản giữa hai bên được thiết lập ngày 28/8/2017 và ngày 13/9/2017, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên ngày 02/4/2018 nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thống nhất với nhau về số nợ gốc, số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử, tuy nhiên các đương sự không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ, nguyên đơn yêu cầu trả một lần còn bị đơn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thiết lập 02 hợp đồng vay tài sản các đương sự thỏa thuận mức lãi suất 5% là vượt quá quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn chỉ trả lãi được 01 tháng của số tiền vốn 40.000.000 đồng là 2.000.000 đồng, nếu tính lãi từ ngày thiết lập 02 hợp đồng vay nêu trên đến ngày nguyên đơn khởi kiện thì số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn cũng không vượt quá mức lãi suất theo Điều 466, 468 Bộ luật dân sự. Đối với yêu cầu trả tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày khởi kiện (ngày 02/4/2018) đến ngày xét xử (ngày 18/9/2018) của nguyên đơn thì bị đơn cũng đồng ý, đồng thời thỏa thuận này cũng không vi phạm về mức lãi suất theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, việc bị đơn yêu cầu xin trả dần không được nguyên đơn đồng ý, bản thân bị đơn đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện

đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay trong đó tiền vốn là 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/4/2018 đến ngày 18/9/2018 theo mức lãi suất 1%/tháng, thời gian 169 ngày, số tiền lãi phải trả 2.253.000 đồng là phù hợp.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả cho nguyên đơn là 42.253.000 đồng x 5% = 2.112.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Văn U phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay trong đó tiền vốn là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 2.253.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc ông Lê Văn U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.112.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.060.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện